

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA CỦA VIỆT NAM

● TRẦN THỊ BÌNH MINH

TÓM TẮT:

Chính sách tài khóa là một trong những công cụ hết sức quan trọng của Chính phủ nhằm tác động đến nền kinh tế ở tầm vĩ mô. Chính sách tài khóa hiệu quả sẽ thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng, khắc phục thất bại của thị trường, phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế một cách hiệu quả. Vì vậy, bài viết này tập trung phân tích thực trạng sử dụng chính sách tài khóa của Việt Nam giai đoạn từ năm 2009 đến nay và đề ra một số giải pháp nhằm góp phần thực hiện hiệu quả chính sách tài khóa để đảm bảo duy trì sự phát triển kinh tế bền vững.

Từ khóa: chính sách tài khóa, hiệu quả của chính sách tài khóa.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, Việt Nam luôn duy trì quy mô chi tiêu công ở mức cao, trong khi nguồn thu ngân sách không đủ để bù đắp, thâm hụt ngân sách nhà nước thường xuyên ở mức cao và hiện ở mức cao nhất trong khu vực. Thâm hụt ngân sách cao và nợ công tăng nhanh hiện nay là một trong những rủi ro vĩ mô lớn nhất của nền kinh tế, đồng thời làm hạn chế các lựa chọn của Chính phủ trong việc đưa nền kinh tế thoát khỏi vùng trũng suy giảm và tiến vào “quỹ đạo tăng trưởng” mới.

2. Khái niệm, vai trò của chính sách tài khóa

Chính sách tài khóa là các biện pháp can thiệp của chính phủ đến hệ thống thuế khóa và chi tiêu của chính phủ nhằm đạt được các mục tiêu của

nền kinh tế vĩ mô. Nói cách khác, chính sách tài khóa là những nỗ lực của chính phủ nhằm cải thiện thành tựu kinh tế vĩ mô thông qua việc thay đổi chi tiêu chính phủ và thuế (Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công, 2016). “*Chính sách tài khóa là các quyết định của chính phủ về ngân sách nhà nước nhằm ổn định thị trường, phân phối công bằng và kích thích nền kinh tế phát triển bền vững*”¹. Việc thực thi chính sách tài khóa sẽ do chính phủ thực hiện liên quan đến những thay đổi trong các chính sách thuế hoặc chi tiêu chính phủ. Chính sách tài khóa thường khó xác định chính xác mức độ cần phải tác động. Các chính sách tài khóa thường bị chi phối bởi tính chủ quan của người quyết định chính sách. Các quan hệ kinh tế có thể thay đổi, do đó hiệu lực của chính sách tài khóa thường có độ trễ khá lớn về mặt thời gian,

bởi quá trình thu thập, xử lý thông tin và ra quyết định chính sách, việc tổ chức thực thi như phổ biến, thực thi và phát huy tác dụng của chính sách, các yếu tố như chính trị, thể chế, cơ cấu tổ chức bộ máy. Các chính sách đưa ra không đúng lúc sẽ làm bất ổn thêm nền kinh tế, thay vì ổn định nó. Hai công cụ chính của chính sách tài khóa là chi tiêu chính phủ và thu ngân sách nhà nước. Ở Việt Nam, theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, thu ngân sách nhà nước bao gồm toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí và toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoản chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, thu ngân sách nhà nước còn được xác định bằng các khoản viện trợ không hoàn lại của chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam, chính quyền địa phương và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. Chính sách tài khóa có vai trò quan trọng đối với sự điều chỉnh và điều tiết nền kinh tế trên các khía cạnh cơ bản sau:

Một là, chính sách tài khóa trên lý thuyết là một công cụ nhằm khắc phục thất bại của thị trường, phân bổ có hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế thông qua thực thi chính sách chi tiêu của chính phủ và thu ngân sách. Chẳng hạn, chính phủ sử dụng ngân sách để cải thiện các dịch vụ công, như: dịch vụ pháp lý, chống độc quyền, tội phạm, nâng cấp hệ thống thông tin, thanh toán... qua đó làm tăng năng suất và hiệu quả của khu vực tư nhân.

Hai là, chính sách tài khóa có chức năng như một công cụ phân phối và tái phân phối tổng sản phẩm quốc dân. Mục tiêu của chính sách lúc này là nhằm điều chỉnh phân phối thu nhập, cơ hội, tài sản, hay các rủi ro có nguồn gốc từ thị trường. Hàm ý là chính sách tài khóa nhằm tạo lập một sự ổn định về mặt xã hội để tạo ra môi trường ổn

định cho đầu tư và tăng trưởng. Hiện nay, nhiều quốc gia châu Á đang chuyển sang định hướng chính sách nhằm đạt được tăng trưởng bao trùm (inclusive growth), cụ thể hơn là hướng tới giải quyết vấn đề bất bình đẳng, nghèo đói và hòa nhập xã hội (ADB, 2014).

Ba là, chính sách tài khóa hướng tới mục tiêu tăng trưởng và định hướng phát triển. Tăng trưởng (thu nhập) trực tiếp hay gián tiếp đều là mục tiêu cuối cùng của chính sách tài khóa. Một cấu phần trong chi tiêu chính phủ là chi cho đầu tư phát triển, thường tập trung vào các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Các dự án này có những định hướng ưu tiên vào một số ngành, khu vực hay vùng, qua đó chính sách tài khóa kiến tạo nền tảng và định hướng phát triển. Điều chỉnh tăng hoặc giảm thuế suất, hay ban hành thuế mới cũng là công cụ nhằm kích thích hay hạn chế phát triển một ngành hay lĩnh vực kinh tế nào đó.

Bốn là, chính sách tài khóa được áp dụng nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Vào thời kỳ kinh tế suy thoái, sản xuất đình trệ, thất nghiệp tăng cao, một chính sách tài khóa mở rộng với liều lượng đủ lớn được thực thi đúng thời điểm có thể giúp sản lượng của nền kinh tế nhanh chóng phục hồi. Tỷ lệ thất nghiệp ở Hoa Kỳ trong thời kỳ đại suy thoái những năm 1930 luôn ở mức 2 con số, dù chính quyền Roosevelt thực hiện vô số chương trình thúc đẩy kinh tế và tình trạng này chỉ dừng lại vào năm 1941, khi chi tiêu chính phủ trên quy mô lớn cho hoạt động quân sự được thực hiện (Feldstein, 2009). Đây được coi là bằng chứng rõ ràng ủng hộ lý thuyết về chính sách tài khóa của trường phái kinh tế học Keynes.

3. Thực trạng thực hiện chính sách tài khóa của Việt Nam trong giai đoạn 2009 - 2022

Từ quý I/2009, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam chỉ đạt 3,1%, bằng 41% tốc độ tăng của quý I/2008 và là quý có tốc độ tăng thấp nhất trong những năm trước đó². Để bình ổn và tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế trước thực trạng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và

những ảnh hưởng không nhỏ tới kinh tế trong nước, trong 2 năm 2008 và 2009, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn sự suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội. Vì vậy, Chính phủ đã thực hiện biện pháp nới lỏng chính sách tài khóa và tiền tệ. Đầu quý I/2013, “sức khỏe” nền kinh tế chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh, Quốc hội đã phải sửa đổi một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế giá trị gia tăng nhằm miễn giảm thuế cho một số đối tượng để kích thích thị trường và giảm khó khăn cho doanh nghiệp, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phục hồi tăng trưởng, tạo nguồn thu vững chắc, ổn định cho Ngân sách Nhà nước, tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá; tập trung xử lý nợ đọng thuế; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế, hải quan. Giai đoạn 2015 -2017, Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm. Thêm vào đó, Chính phủ đã cơ cấu lại các khoản chi trên cơ sở rà soát tổng thể các chính sách an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia, tăng cường công tác quản lý giá, đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước; thúc đẩy đổi mới khu vực sự nghiệp công lập; thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các loại hình thị trường tài chính; hiện đại hóa và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Sự điều chỉnh và thực hiện linh hoạt chính sách tài khóa đã mang lại kết quả tốt: năm 2018, Việt Nam xếp hạng thứ 69/190 trong số các nền kinh tế được khảo sát. Tính chung từ năm 2013 đến năm 2017, Việt Nam đã tăng tổng cộng 30 bậc trong bảng xếp hạng môi trường kinh doanh. Năm 2018, tuy môi trường kinh doanh Việt Nam giảm một bậc, nhưng có tới 8/10 chỉ số đánh giá có cải thiện về điểm số.³ Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) 2020 do Ngân hàng Thế giới công bố, Việt Nam đạt 69,8 điểm trên 100 điểm, tăng 1,2 điểm so với năm 2018 (68,6điểm) và xếp

thứ 70 trong số 190 nền kinh tế được đánh giá. Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng ở vị trí thứ 5.⁴ Năm 2020 - 2021, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid -19 làm gián đoạn sản xuất, tuy nhiên nhờ có các biện pháp ứng phó linh hoạt, kịp thời, toàn bộ nền kinh tế đã vực dậy. Như vậy khẳng định, các chính sách tài khóa đã đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tạo ra nhiều chuyển biến quan trọng và rõ nét đối với quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu. Mặc dù chính sách tài khóa đã đạt được những kết quả tích cực, vấn đề tài chính- ngân sách vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, điều đó thể hiện: Tốc độ tăng thu ngân sách chậm, quy mô có xu hướng giảm. Vấn đề này xuất phát từ khó khăn trong nội tại của nền kinh tế trong nước như tăng trưởng kinh tế chưa bền vững; số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động còn lớn. Kinh tế thế giới vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro, thách thức từ các yếu tố bất định: đại dịch Covid -19, chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc; xu thế bảo hộ thương mại; rủi ro tài chính, tiền tệ của thế giới vẫn hiện tồn, sự bất ổn của thị trường chứng khoán toàn cầu tác động đến kinh tế trong nước. Các nguồn thu ngân sách chưa thật sự ổn định và bền vững do số thu từ dầu thô có xu hướng tăng do giá dầu tăng, trong khi đó thu từ sản xuất, kinh doanh đạt thấp so với dự toán. Nguyên nhân do năng suất, chất lượng hiệu quả của nền kinh tế chưa cao, một số ngành có đóng góp lớn cho số thu ngân sách nhà nước tăng trưởng chưa đạt theo dự kiến, thậm chí giảm do tác động của dịch bệnh.

Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước chưa thực sự hiệu quả khi tỷ trọng chi thường xuyên chưa có dấu hiệu giảm xuống. Năm 2020, tổng số thu ngân sách trung ương gần 851.770 tỉ đồng, tổng số thu ngân sách địa phương là hơn 660.500 tỉ đồng, tổng số chi ngân sách trung ương là 1,069 triệu tỉ đồng, trong đó dự toán 367.700 tỉ đồng để bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách

địa phương. Trong chi Ngân sách Trung ương, Quốc hội phân bổ 220.000 tỉ đồng cho đầu tư phát triển; 115.400 tỉ đồng chi trả nợ lãi; gần 480.000 tỉ đồng chi thường xuyên; 14.600 tỉ đồng chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế; hơn 17.500 tỉ đồng dự phòng ngân sách và 1.200 tỉ đồng chi dự trữ quốc gia. Như vậy, riêng chi thường xuyên của các cơ quan trung ương chiếm 56% tổng ngân sách. Chi đầu tư phát triển chỉ chiếm 25,8% ngân sách.⁵ Năm 2022, cả năm ước bội chi ngân sách nhà nước 421.300 tỷ đồng, tương đương 4,5% GDP, nếu trừ đi số tiền thực hiện Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thì mức bội chi còn khoảng 4,09% GDP.⁶ Việc tăng cường hiệu quả nguồn lực công trong cung cấp dịch vụ công còn hạn chế khi lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm, chưa thực sự thu hút nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước vào phát triển dịch vụ công. Giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn ngân sách nhà nước chậm chuyển biến, nếu năm 2020, vốn thực hiện từ nguồn Ngân sách Nhà nước chỉ đạt 91,1% kế hoạch⁷, kết thúc năm ngân sách 2022 (tính đến ngày 31/1/2023), ước tính tỷ lệ giải ngân của cả nước đạt 80,63% kế hoạch, đạt 92,97% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao⁸.

Bội chi ngân sách nhà nước, nợ công và nợ của Chính phủ cao. Năm 2020, dư nợ công khoảng 55,8% GDP, nợ Chính phủ khoảng 49,6% GDP⁹. Đến hết ngày 31/12/2022, dư nợ công khoảng 38% GDP, dư nợ Chính phủ khoảng 34,7% GDP, dư nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 36,8% GDP.¹⁰ Các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh đang có dấu hiệu dần tới hạn và chưa thực sự tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp, do tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp làm đình trệ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Lạm phát và tỷ giá mặc dù nằm trong phạm vi điều chỉnh dự kiến, nhưng vẫn còn nhiều sức ép; dư địa chính sách tiền tệ bị thu hẹp. Tuy nhiên, trong dài hạn, cần hết sức chú ý “bong bóng” lạm phát bùng nổ, biểu hiện tại các gói cứu

trợ bơm lượng tiền mặt ra thị trường quá lớn, đồng thời chính sách tiền tệ đã nới lỏng gần đến giới hạn của nó sẽ gây tác động xấu đến sự điều chỉnh cân đối tài chính vĩ mô của Chính phủ trong các năm tài khóa tiếp theo. Những hạn chế, yếu kém đó đang đặt ra nhiều vấn đề cần được xem xét và giải quyết trong quá trình thực hiện chính sách tài khóa một cách có hiệu quả, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

4. Một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách tài khóa của Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở phân tích thực trạng thực hiện chính sách tài khóa trong giai đoạn 2009 - 2022, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách tài khóa của Việt Nam hiện nay:

Thứ nhất, tăng cường xã hội hóa các nguồn lực.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xã hội hóa để các cấp chính quyền, các đơn vị sử dụng NSNN có nhận thức đúng, đầy đủ, thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao.

- Tiếp tục đổi mới chính sách và cơ chế khuyến khích, quản lý xã hội hóa theo hướng quy định rõ trách nhiệm, mục tiêu hoạt động, nội dung, chất lượng dịch vụ, sản phẩm, chế độ sở hữu và cơ chế hoạt động; quy định chế độ tài chính và trách nhiệm thực hiện chính sách và nghĩa vụ xã hội của các đơn vị ngoài công lập. Cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập cần được đẩy mạnh và thực hiện cơ chế quản lý như doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện; cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công có đủ điều kiện, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động kém hiệu quả. Quy định rõ ràng về quy chế hoạt động của các loại quỹ, nhằm thể chế hóa vai trò và chức năng của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp tham gia vào quá trình xã hội hóa.

- Đổi mới cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao trên cơ sở nghiên cứu xây dựng và từng

bước thực hiện chính sách đầu tư cung cấp dịch vụ do Nhà nước đặt hàng; khuyến khích các cơ sở thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia; chuyển việc cấp phần kinh phí Nhà nước hỗ trợ cho người hưởng thụ thông qua các cơ sở công lập sang cấp trực tiếp cho người hưởng thụ phù hợp với từng lĩnh vực; từng bước tạo điều kiện để người hưởng thụ lựa chọn cơ sở dịch vụ không phân biệt công lập hay ngoài công lập; từng bước chuyển việc thực hiện chính sách xã hội đang giao cho các cơ sở công lập sang cho chính quyền địa phương các cấp.

- Nhà nước chỉ đầu tư cho những lĩnh vực, công trình mà các thành phần kinh tế khác không thể hoặc không muốn đầu tư; tạo môi trường đầu tư lành mạnh để mọi thành phần kinh tế khác có thể tham gia cùng Nhà nước bằng các hình thức như: BT, BOT, BTO,... Không đầu tư vốn nhà nước vào các doanh nghiệp nhà nước và các tập đoàn nhà nước nếu các thành phần kinh tế khác có khả năng cung cấp các dịch vụ công ích và hàng hóa công cộng hiệu quả hơn. Đối với việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước vào các công trình công ích, không nhất thiết phải ưu đãi về kinh tế và tài chính, mà nên có cơ chế cân đối lợi ích giữa các bên tham gia, cân đối các nguồn hoàn trả vốn và tạo lợi ích cho các nhà đầu tư như: đổi đất lấy hạ tầng, cho phép thu phí khai thác...

Thứ hai, tăng tính công khai, minh bạch tài khóa.

Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài khóa sẽ tạo điều kiện cho người dân, cộng đồng có thể giám sát, kiểm soát, qua đó hạn chế những thất thoát, lãng phí trong sử dụng nguồn lực. Minh bạch tài chính cũng sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của những cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách. Bên cạnh đó, việc tính toán, phản ánh đúng, đầy đủ và kịp thời các khoản thu - chi cũng sẽ góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài khóa, hạn chế việc tăng thu, tăng chi không chính thức, tạo các gánh nặng ngầm hoặc các nghĩa vụ tiềm ẩn đối với ngân sách nhà nước. Các khoản thu - chi phải bảo đảm đúng bản chất

và nội dung kinh tế, đúng chức năng và nhiệm vụ của ngân sách nhà nước. Tổ chức thực hiện tốt các luật về thuế, Luật NSNN và Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công... Vốn vay cần được quản lý, sử dụng hiệu quả, chỉ vay trong khả năng trả nợ; kiểm soát chặt khoản vay của chính quyền địa phương, doanh nghiệp nhà nước; thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý nợ công, nhất là quản lý sử dụng có hiệu quả vốn vay, quản lý tốt nợ trung hạn và quỹ tích lũy trả nợ, quản lý và xử lý kịp thời rủi ro, tiếp tục cơ cấu lại các khoản vay; tăng cường quản lý các khoản vay mới, khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ theo hướng siết chặt điều kiện cấp bảo lãnh, không mở rộng diện bảo lãnh.

Thứ ba, hướng chính sách tài khóa đến mục tiêu tăng trưởng hợp lý và ổn định kinh tế vĩ mô.

Lý luận và thực tiễn đã chứng minh, chính sách tài khóa và phát triển kinh tế của một quốc gia có những mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Ở Việt Nam, thông thường, mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn sẽ được nghiên cứu, hoạch định trước. Trên cơ sở đó, chính sách tài khóa sẽ được xác định để phù hợp với các mục tiêu chiến lược trung hạn và dài hạn. Vì vậy, vấn đề quan trọng trong quá trình hoạch định mục tiêu chiến lược phát triển là nhất thiết phải căn cứ vào nguồn lực thực tế của quốc gia để đề ra những mục tiêu phù hợp với khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn tới, Việt Nam cần chú trọng tới vấn đề ổn định kinh tế vĩ mô hơn là một tốc độ tăng trưởng cao, theo đó duy trì mức tăng trưởng khoảng 6 - 7%. Chính sách tài khóa thực hiện theo hướng tăng cường quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm chi thường xuyên, dành nguồn lực hợp lý cho đầu tư phát triển để hoàn thiện hệ thống hạ tầng trên toàn quốc, nhằm phát triển đồng đều và giảm những chênh lệch quá lớn về mức sống của các tầng lớp dân cư.

Thứ tư, tăng cường thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chính phủ là phải bảo đảm công bằng xã hội, thu

hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa người dân ở thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi. Thu - chi Ngân sách Nhà nước phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo thông qua các chính sách, như: i) tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh ở vùng, miền có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; ii) có hình thức cấp vốn cho các hộ nghèo để phát triển sản xuất, tạo việc làm, đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập và giúp họ tự thoát nghèo; chi ngân sách để dạy nghề cho các lao động nghèo chưa được đào tạo, giúp họ có thể tự tạo việc làm hoặc tự tìm kiếm việc làm trên thị trường lao động, để đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng thiết yếu cho các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc miền núi, vùng biên giới hải đảo, như: đường xá, trạm y tế, trường học, hỗ trợ nhiều hơn nữa cho các hoạt động y tế, giáo dục cho các địa phương khó khăn để bảo đảm người nghèo cũng được học tập và khám, chữa bệnh.

Thứ năm, nâng cao chất lượng công tác dự báo và kiểm tra giám sát.

Công tác dự báo trong thời gian qua chưa được chú trọng đúng mức và tính chính xác chưa cao. Để khắc phục tình trạng này, cần thực hiện các biện pháp:

- Nhà nước cần có quy định chính thức về việc dự báo kinh tế là khâu bắt buộc trong quy trình xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cũng như trong ban hành chính sách thu - chi ngân sách. Khi xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô, bên cạnh những dự báo về mặt định tính, cần áp dụng các phương pháp định lượng để bảo đảm tính chính xác, tin cậy cao. Bảo đảm các điều kiện về vật chất, nguồn nhân lực cho công tác dự báo. Nghiên cứu đầu tư thích đáng cho hoạt động dự báo, nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác dự báo và có cơ chế hợp tác, thuê chuyên gia nước ngoài, các tổ chức quốc tế hỗ trợ kỹ thuật trong phân tích dự báo.

Nâng cao năng lực, hiệu lực của hệ thống giám sát tài chính - tiền tệ, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, kiểm soát chặt chẽ các luồng vốn, các dòng chuyển dịch vốn (đặc biệt là vốn ngắn hạn), các khoản vay nợ, trả nợ. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hệ thống giám sát bằng nghiệp vụ, bằng tổ chức có sẵn trong bản thân công tác tài chính, bản thân từng quy trình nghiệp vụ tài chính, kế toán, nâng cao tính hiệu lực của hệ thống giám sát nội bộ, bộ máy và quy trình kiểm soát nội bộ; đảm bảo mọi hoạt động tài chính, sự luân chuyển của từng dòng tiền của Nhà nước, của ngân khố phải được kiểm tra, kiểm kê và giám sát thường xuyên, liên tục. Hoạt động tài chính, tiền tệ của các tổ chức, các quỹ tài chính nhà nước, các trung gian tài chính phải được giám sát từ xa, phải có hệ thống cảnh báo. Cần tạo dựng thói quen công khai tài chính trong đời sống xã hội. Sử dụng phương pháp quản lý chi tiêu theo kết quả đầu ra. Chuẩn bị tốt cho việc áp dụng chính sách chi tiêu trung hạn. Coi trọng mục đích và kết quả sử dụng Ngân sách Nhà nước chứ không phải mức chi hay mức cắt giảm chi Ngân sách Nhà nước.

5. Kết luận

Hiện nay, trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp rất nhiều khó khăn bởi hậu quả của dịch Covid-19, nợ công và bội chi ngân sách tăng cao, cần tập trung nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách minh bạch; đề cao vai trò của kế hoạch tài chính trung hạn, vai trò quản lý ngân sách theo đầu ra, cần phải minh bạch hóa các thông tin liên quan đến tình hình kỷ luật tài khóa thông qua các báo cáo định kỳ, thường xuyên và gắn kết trách nhiệm về việc tuân thủ kỷ luật tài khóa. Đồng thời tổ chức giám sát thực thi kỷ luật tài khóa, đẩy mạnh công khai ngân sách và việc giám sát này phải được thể chế hóa. Những vấn đề này có ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng kinh tế và đảm bảo bền vững tài khóa trong dài hạn. Do vậy, cần có một lộ trình củng cố và sử dụng hiệu quả chính sách tài khóa để đảm bảo sự bền vững tài khóa song không hoặc ít ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

- ¹ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, (2018). Giáo trình cao cấp Lý luận chính trị: Quản lý kinh tế. Nxb. Lý luận chính trị. tr.83
- ² Tổng cục Thống kê. (2009). Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2009.
- ³ Dìu Đức Hà (2019). Một số giải pháp góp phần thực hiện hiệu quả chính sách tài khóa ở Việt Nam. Truy cập tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2019/11/21/mot-so-giai-phap-gop-phan-thuc-hien-hieu-qua-chinh-sach-tai-khoa-o-viet-nam/>
- ⁴ Võ Công Chánh, Nguyễn Nữ Đoàn Vy (2019). Môi trường kinh doanh toàn cầu 2020 và những dấu ấn của Việt Nam. Truy cập tại <http://consosukien.vn/moi-truong-kinh-doanh-toan-cau-2020-va-nhung-dau-an-cua-viet-nam.htm>
- ⁵ Lê Hiệp, Vũ Hân (2019). Phân bổ ngân sách 2020: Chi thường xuyên vẫn gấp 3 chi đầu tư phát triển. Truy cập tại <https://thanhnien.vn/thoi-su/phan-bo-ngan-sach-2020-chi-thuong-xuyen-van-gap-3-chi-dau-tu-phat-trien-1148265.html>
- ⁶ Phan Thanh Hà (2023). Ngân sách Nhà nước nhìn từ kết quả 2022. Truy cập tại <https://vneconomy.vn/ngan-sach-nha-nuoc-nhin-tu-ket-qua-2022.htm>
- ⁷ Thúy Hiền (2020). Năm 2020, vốn thực hiện từ Ngân sách Nhà nước cao nhất trong giai đoạn 2011-2020. Truy cập tại <https://bnews.vn/nam-2020-von-thuc-hien-tu-ngan-sach-nha-nuoc-cao-nhat-trong-giai-doan-2011-2020/182106.html>
- ⁸ Khánh Linh (2022). Giải ngân vốn đầu tư công 8 tháng năm 2022 ước đạt 35,49% kế hoạch. Truy cập tại <https://baochinhphu.vn/giai-ngan-von-dau-tu-cong-nam-2022-dat-tren-80-ke-hoach-102230202143237717.htm>
- ⁹ Đức Tuấn (2021). Bội chi dưới 4% GDP, nợ công trong ngưỡng cho phép. Truy cập tại <https://baochinhphu.vn/Thoi-su/Boi-chi-duoi-4-GDP-no-cong-trong-nguong-cho-phep/419165.vgp>
- ¹⁰ Nguyễn Lê (2023). Nợ công năm 2022 chỉ khoảng 38%GDP, thấp hơn nhiều ngưỡng cảnh báo. Truy cập tại <https://baodautu.vn/no-cong-nam-2022-chi-khoang-38gdp-thap-hon-nhieu-nguong-canb-bao-d189165.html>

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, (2018). Giáo trình cao cấp Lý luận chính trị: Quản lý kinh tế. Nxb. Lý luận chính trị.
2. Tổng cục Thống kê. (2009). Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2009.
3. Lê Hiệp, Vũ Hân (2019). Phân bổ ngân sách 2020: Chi thường xuyên vẫn gấp 3 chi đầu tư phát triển. Truy cập tại <https://thanhnien.vn/thoi-su/phan-bo-ngan-sach-2020-chi-thuong-xuyen-van-gap-3-chi-dau-tu-phat-trien-1148265.html>
4. Thúy Hiền (2020). Năm 2020, vốn thực hiện từ Ngân sách Nhà nước cao nhất trong giai đoạn 2011-2020. Truy cập tại <https://bnews.vn/nam-2020-von-thuc-hien-tu-ngan-sach-nha-nuoc-cao-nhat-trong-giai-doan-2011-2020/182106.html>
5. Đức Tuấn (2021). Bội chi dưới 4% GDP, nợ công trong ngưỡng cho phép. Truy cập tại <https://baochinhphu.vn/Thoi-su/Boi-chi-duoi-4-GDP-no-cong-trong-nguong-cho-phep/419165.vgp>
6. Dìu Đức Hà (2019). Một số giải pháp góp phần thực hiện hiệu quả chính sách tài khóa ở Việt Nam. Truy cập tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2019/11/21/mot-so-giai-phap-gop-phan-thuc-hien-hieu-qua-chinh-sach-tai-khoa-o-viet-nam/>

7. Võ Công Chánh, Nguyễn Nữ Đoàn Vy (2019). Môi trường kinh doanh toàn cầu 2020 và những dấu ấn của Việt Nam. Truy cập tại <http://consosukien.vn/moi-truong-kinh-doanh-toan-cau-2020-va-nhung-dau-an-cua-viet-nam.htm>

Ngày nhận bài: 19/01/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/02/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/02/2024

Thông tin tác giả:

GVC. ThS. TRẦN THỊ BÌNH MINH

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

SOME SOLUTIONS FOR EFFECTIVELY IMPLEMENTING THE FISCAL POLICY IN VIETNAM

● Senior Lecturer, Master. **TRAN THI BINH MINH**
National College for Education

ABSTRACT:

Fiscal policy is one of the government's most important tools to regulate the economy at the macro level. An effective fiscal policy promotes economic growth, overcomes market failures, and effectively allocates resources in the economy. This paper analyzes Vietnam's fiscal policy since 2009 and proposes some solutions to effectively implement the policy, contributing to sustainable economic development.

Keywords: fiscal policy, effectiveness of fiscal policy.